TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/ HS-ST
Ngày: 10/ 9 / 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH LAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Lò Thị Chiến
Hội thẩm nhân dân:
Bà Pờ Thị Vân
Bà Vàng Thị Thu
Thư ký phiên toà: Bà Lâm Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh - Kiểm sát viên .

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/TLST-HS, ngày 05/8/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 30/8/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Pàn Thị N** - tên gọi khác: không - giới tính: Nữ
Sinh năm 1988, tại xã B, huyện M, Lai Châu;
Trú tại: bản N, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu;
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mảng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không;
Con ông: Pàn A T, đã chết; và con bà Lò Thị S, sinh năm 1959;
Anh chị em ruột: Bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Lò Văn D, sinh năm 1982, nghề nghiệp: Trồng trọt, trú tại: Bản Nậm C, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu;
Bị cáo có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2017.
Tiền án: Không, Tiền sự: Không.
Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 16/4/2019, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người làm chứng: Anh Chìn Văn Đ, sinh năm 1994, trú tại bản N, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Tự do. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lò Văn D, sinh năm 1982, trú tại bản N, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Tự do. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan Văn Nhật, Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Lai Châu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 07/4/2019, Pàn Thị N, sinh năm 1988, trú tại bản N, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu đến nhà Chìn Văn Đ, Sinh năm 1994 là người cùng bản với N, với mục đích nhờ Đ lái xe mô tô chở N đi lên xã Nậm K, huyện M để tìm mua thuốc phiện đem về sử dụng. Qua trao đổi N đưa cho Đ 200.000 đồng và N nói: "Chị cho em hai trăm nghìn đồng, em sang nhà chị lấy xe mô tô chở chị lên xã Nậm K, chị có tí việc", Đ đồng ý chở N bằng chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT II, BKS 25M1-097.02, chiếc xe mô tô này là tài sản của N và chồng Lò A D. Trong quá trình Đ chở N từ bản N, xã B lên xã Nậm K, đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi cả hai đi đến đoạn đường rẽ vào bản Nậm K, xã Nậm K thì N bảo Đ dừng xe đứng đợi. Còn N một mình đi bộ theo khe suối cạn lên khu vực đồi cách đó khoảng 100 m, thì N gặp một người đàn ông lạ mặt, qua trao đổi N đã mua được của người đàn ông này 05 gói thuốc phiện đều được gói bằng mảnh nilon màu trắng và được gói chung lại trong một túi nilon màu hồng, N mua với giá 2.000.000 đồng. Sau khi mua xong N cất giấu gói thuốc phiện vào trong chiếc áo ngực (áo con) đang mặc trên người, rồi quay ra chỗ Đ đứng đợi và bảo Đ chở N về nhà. Trên đường về N không nói gì cho Đ biết việc mua và tàng trữ thuốc phiện. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 07/4/2019 Đ và N đi đến dốc đỏ, thuộc khu phố 9, Thị trấn M, thì bị tổ công tác Công an huyện M và Công an xã Nậm K dừng xe mô tô để kiểm tra, khi Đ dừng xe mô tô lại thì gói thuốc phiện trong áo ngực (áo con) của N dơi xuống mặt đường rồi N nhặt lên. Hành vi của Pàn Thị N bị phát hiện và bắt quả tang, vật chứng thu giữ 05 gói thuốc phiện và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT II, BKS 25M1- 097.02.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 18/KLGĐ ngày 07/4/2019 của người giám định tư pháp theo vụ việc - Công an huyện M và Kết luận giám định số 177/ GĐ-KTHS, ngày 12/04/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *Tổng khối lượng 05 gói chất nhựa dẻo màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Pàn Thị N: Có khối lượng là 63,96 gam (gói1: 13,44 gam, gói 2:5,21 gam, gói 3:3,46 gam, gói 4:18,93 gam và gói 5:22,92 gam); loại thuốc phiện.*

Cáo trạng số 34/CT-VKS-MT ngày 04/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo: Pàn Thị N về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo điểm b khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Pàn Thị N và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Pàn Thị N phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm b khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Pàn Thị N từ 01năm 04 tháng đến 01 năm 10 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với bị cáo.Vật chứng vụ án đề nghị: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.Tịch thu tiêu hủy 57,3 gam thuốc phiện còn lại sau giám định. Đối với xe mô tô mà Chìn Văn Đ chở N đi lên xã Nậm K, Đ không biết gì về việc N mua thuốc phiện, khi Pàn Thị N bảo Đ lấy xe mô tô đi lên xã Nậm K ông Lò Văn D không biết, đây là tài sản chung của N và ông D là phương tiện đi lại duy nhất, đề nghị xem xét trả lại xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT II, BKS 25M1-097.02 đã qua sử dụng cho Lò Văn D.

* Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí quan điểm truy tố đối với bị cáo Pàn Thị N phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Pàn Thị N với mức án thấp nhất của khung hình phạt; Về hình phạt bổ xung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Pàn Thị N là dân tộc thiểu số ở xã B nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo, đề nghị HĐXX xem xét miễn nộp án phí cho bị cáo N toàn bộ án phí.

Đối với người đàn ông lạ mặt theo lời khai của Pàn Thị N có mua thuốc phiện với người đàn ông này vào ngày 07/4/2019 khu vực bản Nậm K, xã Nậm K, huyện M hết 2.000.000 đồng, nhưng N không biết tên tuổi lai lịch người này nên cơ quan Điều tra không có cơ sở điều tra xử lý được đối tượng này.

Đối với Chìn Văn Đ, trú tại bản N, xã B, huyện M, trong quá trình chở Pàn Thị N lên bản Nậm K, xã Nậm K, nhưng Đ không biết việc N tàng trữ trái phép chất ma túy, do đó không liên quan đến vụ án, không xem xét trách nhiệm đối với Đ.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo Pàn Thị N với mục đích mua thuốc phiện về để sử dụng (Hút), bị cáo đã mua thuốc phiện với giá 2.000.000 đồng của người đà ông lạ mặt. Trên đường từ bản Nậm K, xã Nậm K về nhà, đến tại khu vực Dốc đỏ, thuộc khu phố 9, huyện M, tỉnh Lai Châu khoảng 12 giờ 30 phút ngày 07/4/2019 khi Chìn Văn Đ điều khiển xe mô tô chở Pàn Thị N thì bị tổ công tác Công an huyện M phối hợp với Công an xã Nậm K, phát hiện, bắt quả tang, vật chứng thu giữ là 05 gói thuốc phiện có tổng khối lượng 63,96 gam. Ngoài ra còn thu giữ của Pàn Thị N 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT II, BKS 25M1- 097.02.

Như vậy hành vi của bị cáo Pàn Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự. tại điều luật qui định:

1. "*NgườiNàoTàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*"

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam.

Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Pàn Thị N theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng hành vi bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những qui định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma tuý, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo là người nghiện chất ma túy, đã tàng trữ thuốc phiện giấu vào trong áo ngực của bị cáo nhằm mục đích để che giấu hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự vì vậy bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi mình đã thực hiện. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để dăn đe giáo dục đối với bị cáo.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần phải xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc Mảng, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ học vấn không biết chữ, do vậy nhận thức pháp luật có phần

còn hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

[5] Hình phạt bổ xung: Tại khoản 5 điều 249 BLHS bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng 57,3 gam thuốc phiện còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT II, BKS 25M1- 097.02 đã qua sử dụng. Đây là tài sản chung của bị cáo và chồng bị cáo ông Lò Văn D, sinh năm 1982, ở bản Nậm C, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu. Ông D không biết việc N dùng chiếc xe làm phương tiện phạm tội. Hiện nay gia đình ông D chỉ có chiếc xe mô tô này để làm phương tiện đi lại, gia đình bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho gia đình bị cáo xin lại chiếc xe.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Pàn Thị N là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo, HĐXX xem xét miễn nộp án phí cho bị cáo Nghĩa toàn bộ.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; 260; 331; 333 và khoản 2 điều 36 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên bố bị cáo Pàn Thị N phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Xử phạt bị cáo Pàn Thị N 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 16/4/2019, thời hạn tù còn lại tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự. Miễn hình phạt bổ xung là phạt tiền cho bị cáo.

2.Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 57,3 gam thuốc phiện còn lại sau giám định.

- Trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT II, BKS 25M1-097.02 đã qua sử dụng cho ông Lò Văn D, sinh năm 1982, ở bản Nậm C, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Pàn Thị N.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lai Châu*
- *VKSND tỉnh Lai Châu*
- *CA huyện M- THAHS*
- *VKSND huyện M*
- *THADS huyện M*
- *Người bào chữa*
- *Bị cáo*
- *NCQLNVLQ*
- *Lưu hồ sơ*

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lò Thị Chiến